

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SX & TM
HOÀNG MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Số: 2303 /HM-BGLS/2026

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

V/v: Cập nhật thông tin công bố giá vật liệu xây dựng trong Công bố giá VLXD hàng tháng của Sở Xây dựng Hải Phòng.

Kính gửi: Sở Xây dựng Hải Phòng.

Thực hiện yêu cầu của Sở Xây dựng Hải Phòng tại công văn số 5230 /SXD-KTQLĐTXD ngày 30/07/2025.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SX & TM HOÀNG MINH đề nghị Sở Xây dựng Hải Phòng xem xét **cập nhật** thông tin công bố giá sản phẩm hàng hoá, vật liệu xây dựng do đơn vị hiện đang sản xuất, kinh doanh vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng định kỳ của Sở Xây dựng, nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin về đơn vị:

- Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SX & TM HOÀNG MINH
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, Giấy phép đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư số : 0108550175 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 26/07/2023
- Địa chỉ trụ sở chính: B06 – L18, Khu A, Khu đô thị Dương Nội, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy Hưng

- Thông tin liên lạc của lãnh đạo đơn vị và cán bộ phụ trách đăng ký công bố giá (Họ, tên, số điện thoại) :

+ Ông Nguyễn Duy Hưng – Chức vụ : Giám đốc – SĐT : 0932362666

+ Ông Vũ Đình Hưng – Cán bộ phụ trách đăng kí công bố giá – SĐT : 0969955962

- Thông tin liên hệ của các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng:

2. Thông tin về sản phẩm hàng hoá, vật liệu xây dựng đề nghị công bố:

- Bảng giá sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng của đơn vị kèm theo công văn này áp dụng từ ngày 01/03/2026 đến khi có Bảng niêm yết giá mới.

- Các tài liệu giới thiệu mẫu mã, quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế mẫu của sản phẩm áp dụng để sản xuất.

- Các hồ sơ khác theo qui định của pháp luật (nếu có): *Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy, hợp chuẩn; Quyết định kèm theo giấy chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn của sản phẩm, hàng hoá theo qui định ...*

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SX & TM HOÀNG MINH cam kết về các sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định pháp luật về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SX & TM HOÀNG MINH chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Duy Hưng

... .. , ngày 23 tháng 03 năm 2026

BẢNG ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ GIÁ SẢN PHẨM HÀNG HÓA, VLXD

(Kèm theo công văn số 2303/HM-BGLS/2026 ngày 23 / 03 / 2026 của đơn vị CÔNG TY TNHH
ĐẦU TƯ SX & TM HOÀNG MINH)

Áp dụng từ ngày 01/03/2026 đến khi có bảng báo giá mới.

STT	Danh mục sản phẩm hàng hóa VLXD (quy cách, xuất xứ, nhà sản xuất)	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn giá (đồng) Giá chưa có thuế;	Đơn giá vận chuyển (đồng/km)	Ghi chú
1.	Đèn Đường LED HM SMD 02 GLASS: Linh kiện: chip LED Philips, nguồn Philips, bảo vệ xung áp từ 10kV-30kV, hiệu suất phát quang >125lm/W, kích thước 580x340x120mm-6,1kg(sử dụng từ 50W-80W), 665x340x120mm-8,1kg (sử dụng cho 80W-150W), 740x340x120mm-9,8kg (sử dụng cho 100W-240W)-DIMMING và ngõ chờ kết nối chiếu sáng thông minh, chống nhiễu từ, chịu môi trường muối mặn, bảo hành 5 năm.					
1.1	ĐÈN LED HM SMD 02 GLASS – 50W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	8.600.000	0	-
1.2	ĐÈN LED HM SMD 02 GLASS – 80W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	9.600.000	0	-
1.3	ĐÈN LED HM SMD 02 GLASS – 100W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	10.300.000	0	
1.4	ĐÈN LED HM SMD 02 GLASS – 120W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	12.600.000	0	
1.5	ĐÈN LED HM SMD 02 GLASS – 150W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	13.800.000	0	
1.6	ĐÈN LED HM SMD 02 GLASS – 180W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	15.100.000	0	

1.7	ĐÈN LED HM SMD 02 GLASS – 200W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	16.500.000	0
2.	Đèn Đường LED HM SMD 45: Linh kiện: chip LED Philips, nguồn Philips, bảo vệ xung áp từ 10kV-30kV, hiệu suất phát quang >125lm/W, kích thước 580x245x110mm-5,5kg (sử dụng từ 50W-120W), 684x290x110mm-6,8kg (sử dụng cho 80W-180W), 786x290x110mm-8,6kg (sử dụng cho 150W-240W)-DIMMING và ngõ chờ kết nối chiếu sáng thông minh, chống nhiễu từ, chịu môi trường muối mặn, bảo hành 5 năm				
2.1	ĐÈN LED HM SMD 45 – 50W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	6.800.000	0
2.2	ĐÈN LED HM SMD 45 – 80W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	8.200.000	0
2.3	ĐÈN LED HM SMD 45 – 100W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	9.000.000	0
2.4	ĐÈN LED HM SMD 45 – 120W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	9.800.000	0
2.5	ĐÈN LED HM SMD 45 – 150W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	11.500.000	0
2.6	ĐÈN LED HM SMD 45 – 180W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	12.200.000	0
2.7	ĐÈN LED HM SMD 45 – 200W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	12.900.000	0
3.	Đèn Đường LED HM SMD 141: Linh kiện: chip LED Philips, nguồn Philips, bảo vệ xung áp từ 10kV-30kV, hiệu suất phát quang >125lm/W, kích thước 520x210x100mm-4,1kg (sử dụng từ 50W-65W), 560x260x100mm-5,2kg (sử dụng cho 80W-120W), 660x260x100mm-6,4kg (sử dụng cho 100W-165W), 720x260x100mm-7,3kg (sử dụng từ 150W-200W)-DIMMING				

	<i>và ngõ chờ kết nối chiếu sáng thông minh, chống nhiễu từ, chịu môi trường muối mặn, bảo hành 5 năm</i>					
3.1	ĐÈN LED HM SMD 141 – 50W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	6.200.000	0	
3.2	ĐÈN LED HM SMD 141 – 80W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	7.900.000	0	
3.3	ĐÈN LED HM SMD 141 – 100W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	8.800.000	0	
3.4	ĐÈN LED HM SMD 141 – 120W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	9.600.000	0	
3.5	ĐÈN LED HM SMD 141 – 150W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	10.700.000	0	
3.6	ĐÈN LED HM SMD 141 – 180W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	11.900.000	0	
3.7	ĐÈN LED HM SMD 141 – 200W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	12.500.000	0	
4.	Đèn Đường LED HM SMD 121: Linh kiện: chip LED Philips, nguồn Philips, bảo vệ xung áp từ 10kV-30kV, hiệu suất phát quang >125lm/W, kích thước 623x238x113mm-4,2kg (sử dụng từ 50W-100W), 712x272x113mm-5,8kg (sử dụng cho 100W-180W), 760x302x1103mm-7,5kg (sử dụng cho 100W-165W) - DIMMING và ngõ chờ kết nối chiếu sáng thông minh, chống nhiễu từ, chịu môi trường muối mặn, bảo hành 5 năm					
4.1	ĐÈN LED HM SMD 121 – 50W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	6.400.000	0	
4.2	ĐÈN LED HM SMD 121 – 80W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	7.600.000	0	

4.3	ĐÈN LED HM SMD 121 – 100W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	8.900.000	0		
4.4	ĐÈN LED HM SMD 121 – 120W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	9.700.000	0		
4.5	ĐÈN LED HM SMD 121 – 150W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	10.800.000	0		
4.6	ĐÈN LED HM SMD 121 – 180W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	11.900.000	0		
4.7	ĐÈN LED HM SMD 121 – 200W	Bộ	TCVN 7722-1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	12.600.000	0		
5.	Thiết bị chiếu sáng thông minh						
5.1	Bộ điều khiển chiếu sáng thông minh tại đèn HM-NEMA-R4-MO	Bộ	QCVN 122:2020/BTTTT, QCVN 112:2017/BTTTT, QCVN 54:2020/BTTTT, QCVN 18:2022/BTTTT	3.000.000	0		
5.2	Bộ điều khiển chiếu sáng thông minh trọn bộ có khả năng kết nối trung tâm tại tủ	Bộ	QCVN 122:2020/BTTTT, QCVN 112:2017/BTTTT, QCVN 54:2020/BTTTT, QCVN 18:2022/BTTTT	68.000.000	0		
6.							
6.1	Tủ điện ĐKCS KT 1000x600x350mm Aptomat tổng Chint ≤150A	Tủ	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCVN 7794-1:2019 (IEC 60439-1:2014)	14.580.000	0		
6.2	Tủ điện ĐKCS KT 1200x600x350mm Aptomat tổng Chint ≤150A	Tủ	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCVN 7794-1:2019 (IEC 60439-1:2014)	16.350.000	0		
7							

7.1	Cột thép bát giác hoặc tròn côn liền cần H=6m, dày 3mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	3.450.000	0	
7.2	Cột thép bát giác hoặc tròn côn liền cần H=7m, dày 3mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	3.800.000	0	
7.3	Cột thép bát giác hoặc tròn côn liền cần H=8m, dày 3mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	4.300.000	0	
7.4	Cột thép bát giác hoặc tròn côn liền cần H=9m, dày 4mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	5.800.000	0	
7.5	Cột thép bát giác hoặc tròn côn liền cần H=10m, dày 4mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	6.500.000	0	
7.6	Cột thép bát giác hoặc tròn côn liền cần H=11m, dày 4mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	7.200.000	0	
7.7	Thân cột thép bát giác hoặc tròn côn H=6m, D78- dày 3mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	3.600.000	0	
7.8	Thân cột thép bát giác hoặc tròn côn H=7m, D78- dày 3mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	4.350.000	0	
7.9	Thân cột thép bát giác hoặc tròn côn H=7m, D78- dày 3.5mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	4.800.000	0	
7.10	Thân cột thép bát giác hoặc tròn côn H=8m, D78- dày 4mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	5.800.000	0	
7.11	Thân cột thép bát giác hoặc tròn côn H=9m, D78- dày 4mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	6.400.000	0	
7.12	Thân cột thép bát giác hoặc tròn côn H=10m, D78- dày 4mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	6.900.000	0	

7.13	Cần đèn đơn CD01 cao 2m. Vươn 1.5m	Cần	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	1.800.000	0	
7.14	Cần đèn đơn CD04 cao 2m. Vươn 1.5m	Cần	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	1.900.000	0	
7.15	Cần đèn kép CK06 cao 2m. Vươn 1.5m	Cần	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	2.150.000	0	
7.16	Cần cánh bướm Đơn lắp 1 đèn cao 1,64m, vươn 2,1m	Cần	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	3.200.000	0	
7.17	Cần cánh bướm Đơn lắp 2 đèn cao 1,64m, vươn 2,5m	Cần	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	3.500.000	0	
7.18	Cột đa giác 14m D130mm, dày 4mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	16.500.000	0	
7.19	Cột đa giác 14m D130mm, dày 5mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	20.900.000	0	
7.20	Cột đa giác 17m D150mm, dày 5mm	Cột	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	23.950.000	0	
7.21	Lọng bán nguyệt bắt đèn pha	Bộ	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	2.800.000	0	
7.22	Lọng tròn bắt đèn pha	Bộ	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	4.800.000	0	
7.23	Đế gang trang trí DC03	Đế	ISO 9001-2015 ISO 14001:2015 BS 5649:1995/BS EN 40-5:2002	8.500.000	0	
8	Bộ đèn chiếu sáng sử dụng năng lượng mặt trời HM SMD 141 – NLMT: Đã bao gồm trọn bộ vật tư linh kiện cho hệ thống chiếu sáng NLMT gồm tám pin NLMT, ắc quy lithium sắt photphat, bộ điều khiển, đèn LED)					
8.1	Bộ đèn LED NLMT HM SMD 141 50W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCHN	25.000.000	0	

8.2	Bộ đèn LED NLMT HM SMD 141 60W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	25.500.000	0
8.3	Bộ đèn LED NLMT HM SMD 141 70W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	28.000.000	0
8.4	Bộ đèn LED NLMT HM SMD 141 80W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	29.000.000	0
8.5	Bộ đèn LED NLMT HM SMD 141 90W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	29.800.000	0
8.6	Bộ đèn LED NLMT HM SMD 141 100W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	31.000.000	0
8.7	Bộ đèn LED NLMT HM SMD 141 110W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	31.800.000	0
8.8	Bộ đèn LED NLMT HM SMD 141 120W	Bộ	TCVN 7722- 1:2017, TCVN 7722-2-3:2019, QCVN 19:2019/BKHCN	33.300.000	0

Ghi chú:

- Lập biểu này khi đơn vị gửi Công bố giá lần đầu và định kỳ.
- Cột tiêu chuẩn kỹ thuật: Ghi số hiệu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật (theo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy, hợp chuẩn của sản phẩm) để làm cơ sở lựa chọn áp dụng, tham khảo.
- Đơn vị ghi chú tất cả các nội dung cần lưu ý đến giá bán như: Giá bán buôn, giá bán lẻ (nếu có), bao gồm hoặc không bao gồm giá vận chuyển, cư lý vận chuyển, địa điểm giao hàng, số lượng tối thiểu để được vận chuyển, Các chính sách ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng (nếu có)...
- Nếu Bảng giá có nhiều trang phải đóng dấu giáp lai.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Duy Hưng